CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 06NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***327 789***	***199 511***	***128 278***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**57 577**	**7 202**	**50 375**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***8 000***	***7 202***	***798***			
1		CP VĨNH THẮNG	29/05	941/05	31/05	BN 1829	CỤC 5A.1	1 500	1 351	149	30/05	TD	
2		KDT NINH BÌNH	29/05	942/05	31/05	BN 2128	CẨM 4A.1	1 000	991	9	30/05	TD	
3		DVVT QUẢNG NINH	27/05	292/05	31/05	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 100	1 094	7	31/05	TD	THAY TBGT SỐ 816 NGÀY 27/5/2025
4		ĐIỆN NGHI SƠN	30/05	946/05		VTT 36	CẨM 5A.10	3 400	3 302	98	31/05		
5		COALIMEX	29/05	939/05	31/05	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000	464	536	DỞ	TD	THAY TBGT SỐ 618/3 NGÀY 09/04/2025
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***49 577***		***49 577***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CẨM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CẨM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CẨM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CẨM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
10		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
13		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CẨM 4B.1	1 980		1 980		TD	
14		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SO 818/05 NGÀY 05/05/2025
18		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CẨM 4B.1	2 000		2 000		TD	
19		THAN SÔNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
20		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
21		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
22		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CẨM 4A.1	3 005		3 005			
23		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SO 860/05 NGÀY 11/05/2025
24		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 06NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
26		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SO 572/03 NGÀY 29/04/2025
27		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
28		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
29		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
30		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
31		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
32		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XỐ 1C	1 988		1 988		TD	
33		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
34		KDT CẦU ĐUỐNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
35		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**140 850**	**122 218**	**18 632**			
	Tàu đang làm hàng							***140 850***	***122 218***	***18 632***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	39 399	3 901	DỞ		TTCO:23.298,71 - TTHG:20.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400	48 549	- 149	DỞ		TTCO:29.900 - TTHG:18.649,23
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/05	920/05		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5B.14	20 300	17 067	3 233	DỞ		TTHG:10.000 - KDTCP:10.300
4		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 850	17 203	11 647			KDT CP:8.000 - CLM:10.000 - KVCP:
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)												
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**65 522**	**16 729**	**48 793**			
	Tàu đã làm hàng							***16 900***	***16 729***	***171***			
1		CP DVVT QNINH	27/5	1 351	31/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982	1 964	18	30/5	TD	
2		CP HÀNG HẢI VN	29/5	1 453	31/5	BN - 1799	CÁM 8A	1 048	995	53	30/5	TD	
3		NINH BÌNH	27/5	1 327	31/5	TB - 1382	CỤC 1B	1 000	994	6	30/5	TD	
4		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250	1 240	10	30/5	TD	
5		COALIMEX	30/5	1 525	31/5	BN - 2397	CÁM 8A	1 000	988	12	30/5	TD	
6		CP VT&KD THAN	30/5	1 527	31/5	HD - 1955	CÁM 8A	1 520	1 513	7	31/5	TD	
7		COALIMEX	30/5	1 539	31/5	BN - 1835	CÁM 8A	1 000	997	3	31/5	TD	
8		CP DVVT QUẢNG NINH	28/5	1 408	31/5	BN - 1809	CỤC 1A	1 000	993	7	31/5	TD	
9		CP ĐTTM&DV	28/5	1 404	31/5	BN - 2335	CỤC 1B	1 200	1 172	28	31/5	TD	
10		CP VT THUỶ	29/5	1 442	31/5	BN - 0979	CỤC 1B	1 000	989	11	31/5	TD	
11		MIỀN BẮC	29/5	1 454	31/5	NB - 2359	CÁM 7B	1 680	1 668	12	31/5	PT CB	
12		ĐIỆN DUYÊN HẢI	28/5	3 295		SƠN HẢI 08	CÁM 5B.14	3 220	3 215	5	01/6		
	Tàu đã làm lệnh							***48 622***		***48 622***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 06NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		CẦU ĐUỐNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
3		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
4		HÀ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
5		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	
7		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
8		CP HÀNG HẢI VN	26/5	1 302	31/5	BN - 1309	CÁM 8A	904		904		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	28/5	1 362	31/5	BN - 1869	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		CP DVVT QNINH	28/5	1 406	31/5	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		CP ĐTTM&DV	28/5	1 407	31/5	BN - 1865	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
12		HÀ BẮC	29/5	1 434	31/5	BN - 2089	CÁM 5B.1	1 940		1 940		PT CB	
13		CP ĐTTM&DV	29/5	1 435	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
14		ĐIỆN PHÁ LẠI	29/5	1 436	31/5	TĐ 01 CHN	CÁM 5B.14	2 380		2 380			
15		COALIMEX	29/5	1 455	31/5	HOÀNG ANH 36	CÁM 7A	3 000		3 000		PT CB	
16		CP ĐTTM&DV	29/5	1 456	31/5	THÀNH AN 45	CỤC 1B	930		930		TD	
17		CP ĐTTM&DV	29/5	1 456	31/5	THÀNH AN 45	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
18		CP VT&KD THAN	29/5	1 457	31/5	BN - 1866	CÁM 8A	1 480		1 480		TD	
19		CP VT&KD THAN	29/5	1 458	31/5	BN - 2388	CÁM 8A	1 520		1 520		TD	
20		CP HÀNG HẢI VN	29/5	1 471	31/5	BN - 2287	CỤC 1B	834		834		TD	
21		COALIMEX	29/5	1 474	31/5	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
22		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 480	31/5	BN - 2005	CÁM 8A	1 540		1 540		TD	
23		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 481	31/5	BN - 1296	CÁM 8A	1 250		1 250		TD	
24		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 482	31/5	HD - 2214	CÁM 8A	1 595		1 595		TD	
25		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 483	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
26		COALIMEX	30/5	1 519	31/5	BN - 1459	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
27		COALIMEX	01/6	1 539	14/6	BN - 1835	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
28		HÀ NỘI	31/5	1 552	31/5	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
29		CP ĐTTM&DV	01/6	1 553	14/6	HD - 2298	CÁM 8A	1 860		1 860		TD	
30		CP ĐTTM&DV	31/5	1 554	31/5	BN - 1962	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
31		CẦU ĐUỐNG	31/5	1 557	31/5	BN - 1789	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
32		CẦU ĐUỐNG	31/5	1 558	31/5	BN - 2203	CÁM 8A	1 480		1 480		TD	
33		CẦU ĐUỐNG	01/6	1 559	14/6	BN - 1718	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
34		CP ĐTTM&DV	31/5	1 565	31/5	BN - 1936	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 06NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
35		CROMIT THANH HOÁ	31/5	1 565	31/5	NB - 8881	CÁM 8A	780		780		TD	
36		SX TM THAN UÔNG BÍ	31/5	1 572	31/5	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
37		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**11 410**	**5 514**	**5 896**			
	Tàu đã làm hàng							***5 524***	***5 514***	***10***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI		1 437		HN 1988	Cám 5b.14	3 904	3 900	4	30/5		
2		ĐIỆN PHÁ LẠI		1 528		QN 4080	Cám 5b.14	1 620	1 614	6	31/5		
	Tàu đã làm lệnh							***5 886***		***5 886***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI		36/6	14/06	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.14	2 380		2 380			
2		ĐIỆN PHÁ LẠI		35/6	14/06	QN 5634	CÁM 5B.14	1 790		1 790			
3		ĐIỆN PHÁ LẠI		34/6	14/06	QN 4113	CÁM 5B.13	1 716		1 716			
IV	**KHO CẢNG KM6**							**37 430**	**34 349**	**3 081**			
	Tàu đã làm hàng							***37 430***	***34 349***	***3 081***			
1		KDT MIỀN BẮC	29/5	1 423	31/5	HÙNG MẠNH36	Cám 5b.1	3 800	3 779	21	30/5	CBPT	
2		XNK THAN VINACOMIN	29/5	1 470	31/5	HẢI ĐĂNG 666	Cám 5b.1	3 800	3 792	8	30/5	CBPT	
3		VTT VINACOMIN	29/5	1 460	31/5	QN 4456	Bùn 3c	1 500	1 490	10	30/5	TD	
4		CROMIT THANH HÓA	30/5	1 508	31/5	TH 0686	Cám 5a.1	960	958	2	30/5	CBPT	
5		THAN MIỀN NAM VINACOMIN	29/5	1 475	31/5	TRẦN GIA 09	Cục 1b	1 920	1 451	469	30/5	TD	
6		THAN MIỀN NAM VINACOMIN	29/5	1 475	31/5	TRẦN GIA 09	Cục 1b	1 920	1 878	42	31/5	TD	
7		CROMIT THANH HÓA	30/5	1 524	31/5	MINH HẰNG 222	Cám 5b.1	4 600	4 480	120	31/5	CBPT	
8		TM DV VINACOMIN	31/5	1 535	31/5	BN 1296	Don 8b	1 050	1 043	7	31/5	TD	
9		KDT MIỀN BẮC	31/5	1 537	31/5	NGỌC LAN 19	Cám 5b.1	3 080	3 072	8	31/5	CBPT	
10		KDT MIỀN BẮC	31/5	1 538	31/5	NB 8295	Cám 5b.1	2 600	2 594	6	31/5	CBPT	
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	01/6	1 551	14/6	TÂN PHÚC 01	Cám 5a.1	3 200	3 142	58	01/6	CBPT	
12		CROMIT CĐ THANH HÓA	01/6	1 540	14/6	HÙNG KHÁNH 226	Cám 5b.1	4 500	4 491	9	01/6	CBPT	
13		CROMIT CĐ THANH HÓA	01/6	1 550	14/6	KHÁNH MINH 69	Cám 6a.1	2 200	1 035	1 165	DỞ	CBPT	
14		KHO VẬN ĐÁ BẠC	01/6	1		CỬA ÔNG 01	Cám 5b.1	2 300	1 143	1 157	DỞ	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh												
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**15 000**	**13 500**	**1 500**			
	Tàu đã làm hàng							***15 000***	***13 500***	***1 500***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 06NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		NAM PHI		CLM		MV SAEEN AL AMAN		15 000	13 500	1 500	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												